

Số: **34** /2020/NQ-HĐND

Lào Cai, ngày **04** tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ, các khoản đóng góp, miễn, giảm đối với người cai nghiện ma túy; mức hỗ trợ đối với người trực tiếp quản lý người cai nghiện ma túy; chế độ hỗ trợ đối với cán bộ viên chức và người lao động làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy và người sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Lào Cai

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ 16**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định 26/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định chế độ trợ cấp, phụ cấp đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy và cơ sở trợ giúp xã hội công lập;

Căn cứ Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 80/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp giấy phép và quản lý hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện;

Căn cứ Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 117/2017/TT- BTC ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và tổ chức cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng;

Căn cứ Thông tư 124/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện;

Xét Tờ trình số 264/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết quy định một số nội dung về mức hỗ trợ, các khoản đóng góp, miễn, giảm đối với người cai nghiện ma túy; mức hỗ trợ đối với cán bộ quản lý đối tượng cai nghiện ma túy; chế độ trợ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy và người sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Báo cáo thẩm tra số 263/BC-BVHH ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này quy định một số nội dung về mức hỗ trợ, các khoản đóng góp, chế độ miễn, giảm đối với người cai nghiện ma túy; mức hỗ trợ đối với người trực tiếp quản lý đối tượng cai nghiện ma túy; chế độ hỗ trợ đối với cán bộ viên chức và người lao động làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy và người sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Trách nhiệm và hiệu lực thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai Khóa XV, Kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 04 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính Phủ;
- Bộ Lao động - TB&XH, Bộ Tài Chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực VII;
- TT.TU, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo VP.TU, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Báo, Đài PT-TH, Công báo, Cổng TTĐT tỉnh;
- Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT, TH.



Đặng Xuân Phong

QUY ĐỊNH

Một số nội dung, mức hỗ trợ, các khoản đóng góp, miễn, giảm đối với người cai nghiện ma túy; mức hỗ trợ đối với người trực tiếp quản lý người cai nghiện ma túy; chế độ hỗ trợ đối với cán bộ viên chức và người lao động làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy và người sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Lào Cai

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số. 31/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ, các khoản đóng góp, miễn giảm đối với người cai nghiện ma túy; mức hỗ trợ đối với người trực tiếp quản lý người cai nghiện ma túy; chế độ hỗ trợ đối với viên chức và người lao động làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy và sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Các nội dung khác không quy định tại Quy định này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người nghiện ma túy chữa trị, cai nghiện bắt buộc hoặc tự nguyện, gồm: Người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Luật Xử lý vi phạm hành chính; Người chưa thành niên nghiện ma túy chữa trị, cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; người nghiện ma túy chữa trị, cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập; người nghiện ma túy chữa trị, cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng;

2. Người đã hoàn thành xong thời gian cai nghiện ma túy bắt buộc tại các cơ sở cai nghiện được áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại nơi cư trú;

3. Các cơ sở quản lý người nghiện ma túy và người sau cai nghiện ma túy gồm: Các cơ sở cai nghiện ma túy công lập; cơ sở điều trị/cơ sở cấp phát thuốc Methadone do cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập.

4. Cán bộ quản lý người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng;

5. Cán bộ viên chức và người lao động làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy và người sau cai nghiện ma túy;

6. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng các nguồn thu đóng góp, nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện các quy định tại Nghị quyết này.

Điều 3. Nguồn kinh phí

1. Nguồn ngân sách tỉnh; ngân sách tỉnh bổ sung cho ngân sách huyện, thị xã, thành phố;

2. Nguồn đóng góp của bản thân hoặc gia đình người nghiện, người sau cai nghiện ma túy;

3. Nguồn thu từ kết quả lao động sản xuất của cơ sở cai nghiện;
4. Nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

Chương II

MỨC HỖ TRỢ, CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP ĐỐI VỚI NGƯỜI CAI NGHIỆN BẮT BUỘC, CAI NGHIỆN TỰ NGUYỆN TẠI CƠ SỞ CAI NGHIỆN MA TÚY CÔNG LẬP

Điều 4. Mức hỗ trợ cho người nghiện trong thời gian chấp hành quyết định xử lý hành chính; người chưa thành niên chữa trị, cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc

1. Tiền ăn hàng tháng của người cai nghiện: Bằng 0,8 mức lương cơ sở/người cai nghiện/tháng. Ngày lễ, Tết dương lịch người cai nghiện được ăn bằng 03 lần tiêu chuẩn ngày thường; các ngày Tết nguyên đán người cai nghiện được ăn bằng 05 lần tiêu chuẩn ngày thường; chế độ ăn đối với người cai nghiện bị ốm theo chỉ định của cán bộ y tế điều trị, bằng 03 lần tiêu chuẩn ngày thường.

2. Tiền chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, vật dụng sinh hoạt cá nhân cần thiết của người cai nghiện bằng 0,9 mức lương cơ sở/người cai nghiện/năm.

3. Tiền hoạt động văn nghệ, thể dục, thể thao: Mức 70.000 đồng/người cai nghiện/năm.

4. Tiền ăn khi đi đường, tiền tàu xe trở về nơi cư trú: Người cai nghiện là thân nhân người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội, thuộc gia đình hộ nghèo, hộ cận nghèo, sau khi chấp hành xong quyết định trở về nơi cư trú được cấp tiền ăn khi đi đường, tiền tàu xe như sau:

- a) Tiền ăn: hỗ trợ 50.000 đồng/người/ngày; hỗ trợ tối đa 01 ngày.
- b) Tiền tàu xe: Mức hỗ trợ theo giá phương tiện công cộng phổ thông.

Điều 5. Các khoản đóng góp và mức hỗ trợ đối với người cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập

1. Các khoản đóng góp:

a) Tiền ăn hàng tháng, tiền chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, vật dụng sinh hoạt cá nhân cần thiết của người cai nghiện: Mức đóng góp bằng 30% mức quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 4 Quy định này.

b) Tiền sinh hoạt văn nghệ, thể thao: 70.000 đồng/người/năm;

c) Tiền điện, nước sinh hoạt, vệ sinh: 80.000 đồng/người/tháng;

d) Học văn hoá, học nghề (nếu người cai nghiện có nhu cầu) mức thu theo mức hợp đồng đào tạo cụ thể cho từng khóa học nghề, khóa học văn hóa;

đ) Chi phí sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sỹ (bao gồm cả xét nghiệm HIV/AIDS): Mức chi theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do cấp có thẩm quyền quyết định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập thực hiện dịch vụ;

e) Chi phí điều trị nhiễm trùng cơ hội và thuốc chữa bệnh thông thường tại cơ sở cai nghiện ma túy không ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế: Theo chi phí thực tế phát sinh và hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp.

2. Các khoản hỗ trợ:

a) Tiền ăn hằng tháng, tiền chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, vật dụng sinh hoạt cá nhân cần thiết của người cai nghiện: Mức hỗ trợ bằng 70% mức quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 4 Quy định này;

b) Tiền thuốc cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần cho người cai nghiện ma túy tự nguyện: 650.000 đồng/ người/lần cai nghiện;

c) Đối với những trường hợp là người thuộc diện hộ nghèo, người thuộc gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật; người nhiễm HIV/AIDS được hỗ trợ 100% kinh phí phải đóng góp quy định tại khoản 1 Điều này;

d) Đối với người thuộc hộ gia đình cận nghèo được hỗ trợ 50% các khoản đóng góp quy định tại Khoản 1 Điều này.

Chương III

CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP, MỨC HỖ TRỢ, MIỄN, GIẢM ĐỐI VỚI NGƯỜI CAI NGHIỆN MA TÚY TẠI GIA ĐÌNH, CỘNG ĐỒNG

Điều 6. Các khoản đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng

1. Đối với người cai nghiện ma túy tại cộng đồng:

a) Chi phí khám sức khỏe; xét nghiệm phát hiện chất ma túy và các xét nghiệm khác để chuẩn bị điều trị cắt cơn: 200.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định;

b) Tiền thuốc hỗ trợ cắt cơn nghiện: 400.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định;

c) Tiền ăn: 40.000 đồng/người/ngày;

d) Tiền điện, nước sinh hoạt: 80.000 đồng/người/tháng;

đ) Tiền hoạt động văn thể: 50.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định;

e) Chi phí cho các hoạt động giáo dục, phục hồi hành vi nhân cách, dạy nghề, tạo việc làm cho người sau cai nghiện (nếu có). Mức chi căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đối với người cai nghiện ma túy tại gia đình: Chi phí khám sức khỏe; xét nghiệm phát hiện chất ma túy và các xét nghiệm khác để chuẩn bị điều trị cắt cơn: 200.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định; tiền thuốc hỗ trợ cắt cơn nghiện: 400.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định.

Điều 7. Mức hỗ trợ, miễn, giảm đối với người cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng

1. Hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật, người nhiễm HIV/AIDS, cụ thể:

a) Người cai nghiện ma túy tự nguyện: Hỗ trợ một lần tiền thuốc điều trị cắt cơn nghiện ma túy theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Quy định này;

b) Người cai nghiện ma túy bắt buộc: Hỗ trợ một lần tiền thuốc điều trị cắt cơn nghiện ma túy theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Quy định này và tiền ăn trong thời gian cai nghiện tập trung, mức hỗ trợ 40.000 đồng/người/ngày, thời gian hỗ trợ tiền ăn tối đa 15 ngày.

2. Miễn, giảm

a) Miễn các khoản đóng góp quy định tại điểm a, điểm d, điểm đ, điểm e khoản 1 Điều 6 Quy định này đối với người cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật, người nhiễm HIV/AIDS;

b) Giảm 50 % các khoản đóng góp quy định tại điểm a, điểm d, điểm đ, điểm e khoản 1 Điều 6 Quy định này đối với người cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng thuộc hộ gia đình cận nghèo.

Chương IV

HỖ TRỢ NGƯỜI TRỰC TIẾP THEO DÕI, QUẢN LÝ NGƯỜI CAI NGHIỆN MA TÚY TẠI GIA ĐÌNH, CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ ĐỐI VỚI CÁN BỘ VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG LÀM VIỆC TẠI CÁC CƠ SỞ QUẢN LÝ NGƯỜI NGHIỆN MA TÚY

Điều 8. Hỗ trợ người trực tiếp theo dõi, quản lý người cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng

1. Hỗ trợ người trực tiếp theo dõi, quản lý người cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng (gồm: theo dõi, quản lý người nghiện ma túy, người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, người sau cai nghiện ma túy có nơi cư trú trên địa bàn xã, phường, thị trấn): 350.000 đồng/người/tháng.

2. Căn cứ vào số lượng người nghiện có hồ sơ quản lý hàng năm trên địa bàn, UBND cấp xã phân công từ 01 đến 03 người trực tiếp theo dõi, quản lý người cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng (sau đây viết tắt là người nghiện), cụ thể:

a) Xã, phường, thị trấn có dưới 50 người nghiện được bố trí 01 người theo dõi, quản lý;

b) Xã, phường, thị trấn có từ 50 đến dưới 100 người nghiện được bố trí 02 người theo dõi, quản lý;

c) Xã, phường, thị trấn có từ 100 người nghiện trở lên được bố trí 03 người theo dõi, quản lý.

Điều 9. Chế độ hỗ trợ đối với cán bộ viên chức và người lao động làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Lào Cai

1. Đối tượng được hỗ trợ:

a) Cán bộ viên chức và người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng, điều động, biệt phái đã được xếp lương theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, viên chức và lực lượng vũ trang làm công tác quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, phục vụ tại các Cơ sở quản lý người nghiện ma túy và người sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

b) Cơ sở quản lý người nghiện ma túy và người sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Lào Cai, bao gồm: Cơ sở cai nghiện ma túy công lập; cơ sở điều trị bằng thuốc Methadone do cơ quan có thẩm quyền quyết định.

2. Đối tượng không được hỗ trợ:

a) Người làm việc theo hợp đồng lao động mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn dưới 03 tháng;

b) Người được điều động, biệt phái có thời hạn dưới 03 tháng;

c) Người có thời gian đi công tác, học tập ở trong nước không trực tiếp làm các công việc tại cơ sở cai nghiện liên tục từ 03 tháng trở lên;

d) Người có thời gian nghỉ việc riêng không hưởng lương liên tục từ 01 tháng trở lên;

đ) Người có thời gian nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội;

e) Người có thời gian bị đình chỉ công tác hoặc không được làm các công việc tại cơ sở quản lý người cai nghiện ma túy và người sau cai nghiện ma túy theo quy định của pháp luật.

3. Mức hỗ trợ và thời gian chi trả

a) Mức hỗ trợ: Bằng 1,0 mức lương cơ sở. Thu nhập từ nguồn hỗ trợ không dùng để tính đóng, hưởng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp;

b) Thời gian chi trả hỗ trợ: Tiền hỗ trợ được trả cùng kỳ lương hàng tháng.

CHỦ TỊCH



Đặng Xuân Phong